

Bản án số: 111/2022/DS-ST
Ngày: 16/12/2022
(V/v: TrA chấp hợp đồng mua bán tài sản)

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông DA Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Dương Thị Tú Phương

2/. Ông Đặng Văn Chiêu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2022/TLST- DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc “TrA chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số: 56/2022/TB-TA ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Ông BVO, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp MPĐ, xã HP, huyện PL, tỉnh BL.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông O: Bà HHTH, sinh năm 1982.

Địa chỉ liên hệ: Công ty luật TNHH MTV Thái Sơn; Số 45H, Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, Tp. BL, tỉnh BL.

2/. Đồng bị đơn:

2.1/. Ông TVA, sinh năm 1960.

2.2/. Bà NTTB (Nguyễn Thị Thu), sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Ấp MT1, xã HP, huyện PL, tỉnh BL.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông A: Bà NTTB (Nguyễn Thị Thu), sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp MT1, xã HP, huyện PL, tỉnh BL.

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Xuân Mai, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp MPĐ, xã HP, huyện PL, tỉnh BL.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Mai: Bà HHTH, sinh năm 1982.

Địa chỉ liên hệ: Công ty luật TNHH MTV Thái Sơn; Số 45H, Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, Tp. BL, tỉnh BL.

(Bà H, bàB có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2022, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Huỳnh Tồ H trình bày: Từ tháng 03/2018 (dương lịch), ông O và bà Mai bắt đầu giao dịch mua bán phân bón và thuốc trừ sâu với ông A và bàB làm rất nhiều lần với nhau, hai bên thỏa thuận bằng hình thức trả dần theo cuối mùa vụ lúa và cho đến ngày 13/3/2020 (dương lịch) thì hai bên có cộng sổ quyết toán nợ lại với nhau, ông A và bàB còn nợ ông O và bà Mai tổng số tiền là 198.063.000 đồng. Trong đó số tiền gốc là 113.750.000 đồng và tiền lãi 73.063.000 đồng. Sau khi cộng sổ quyết toán nợ lại với nhau thì giữa hai bên tự thỏa thuận chịu lãi suất là 2%/tháng đối với số tiền trên. Nhưng từ khi hai bên chốt nợ lại với nhau cho đến nay thì vợ chồng ông A và bàB không có trả toán được cho ông O và bà Mai thêm số tiền nào cả. Mặc dù ông O và bà Mai đã rất nhiều lần đến để đòi số tiền trên đối với ông A và bàB. Tuy nhiên, đến nay ông A và bàB vẫn không có thiện chí để trả số tiền trên cho ông O và bà Mai nên nay ông O và bà Mai yêu cầu ông TVA và bà NTTB cùng có nghĩa vụ trả cho ông O và bà Mai số tiền mua bán phân bón và thuốc trừ sâu còn thiếu là 113.750.000 đồng và tiền lãi 73.063.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 198.063.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án và giai đoạn thi hành án.

Theo đồng bị đơn và cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông A: Bà NTTB (Nguyễn Thị Thu) trình bày: Bà ThuB thừa nhận từ năm 2018 (dương lịch) vợ chồng bà có giao dịch mua bán phân bón và thuốc trừ sâu với vợ chồng ông O và bà Mai làm rất nhiều lần với nhau, hai bên thỏa thuận bằng hình thức trả dần theo cuối mùa vụ lúa và cho đến ngày 13/3/2020 (dương lịch) hai bên có cộng sổ quyết toán nợ lại với nhau thì vợ chồng bà còn nợ ông O và bà Mai số tiền là 113.750.000 đồng và chịu lãi suất là 2%/tháng đối với số tiền trên. Bà NTTB xác định: Trong số tiền 113.750.000 đồng mà vợ chồng bà còn nợ ông O và bà Mai thì trước đây ông O và bà Mai đã tính lãi trong số tiền này rồi nên nay ông O và bà Mai yêu cầu tiếp tục tính lãi nữa trên số tiền này thì bà không đồng ý. Vì bà không có khả năng để trả cho ông O và bà Mai số tiền trên như ông O và bà Mai yêu cầu đối với vợ chồng bà. Nay bà thừa nhận còn thiếu ông O và bà Mai số tiền là 113.750.000 đồng và yêu cầu tính lại tiền lãi theo mức lãi suất quy định của

pháp luật, chứ mức lãi suất ông O và bà Mai tính như vậy là quá cao so với quy định nên bà không đồng ý.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông BVO. Buộc ông TVA và bà NTTB cùng có nghĩa vụ trả cho của ông BVO và bà Trần Xuân Mai số tiền mua bán là 113.750.000 đồng và tiền lãi 62.752.000 đồng. Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông BVO đối với ông TVA và bà NTTB với số tiền lãi là 10.311.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ông BVO có đơn khởi kiện yêu cầu tra chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với ông TVA và bà NTTB. Ông TVA và bà NTTB có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đối với yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm của bà HHTH và bà NTTB. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H và bà B.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông BVO đối với ông TVA và bà NTTB cùng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền mua bán phân bón và thuốc trừ sâu còn thiếu số tiền là 198.063.000 đồng. Trong đó số tiền gốc là 113.750.000 đồng và tiền lãi 73.063.000 đồng. Sau khi cộng sổ quyết toán nợ lại với nhau thì giữa hai bên tự thỏa thuận chịu lãi suất là 2%/tháng đối với số tiền nợ gốc trên nay ông O yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án và giai đoạn thi hành án thì Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự thống nhất thừa nhận có việc giao dịch mua bán tài sản là phân bón, thuốc trừ sâu với nhau, việc giao dịch mua bán này giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện và có xảy ra trên thực tế. Như vậy, lời thừa nhận của bà NTTB về việc còn

thiếu ông O số tiền 113.750.000 đồng là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

[3] Xét yêu cầu của ông BVO về việc yêu cầu tính tiền lãi phát sinh theo hai bên thỏa thuận 2%/tháng kể từ ngày 13/3/2020 (dương lịch) đến ngày xét xử hôm nay (ngày 16/12/2022) đối với số tiền gốc là 113.750.000 đồng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định: “*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này*” và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc mua bán giữa hai bên có xảy ra trên thực tế, ông A và bà B còn thiếu của ông O và bà Mai số tiền là 113.750.000 đồng. Do đó, việc ông O yêu cầu ông A và bà B trả tiền lãi của số tiền chậm trả trên là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên, khi hai bên thực hiện giao dịch mua bán với nhau có thỏa thuận với mức lãi suất chậm trả là 2%/tháng (tức là 24%/năm) là cao hơn so với quy định của pháp luật nên được điều chỉnh theo quy định, cho nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Căn cứ vào các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xem xét tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 13/3/2020 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (ngày 16/12/2022) là được 02 năm 09 tháng 03 ngày x 1,66%/tháng x 113.750.000 đồng = 62.752.000 đồng.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, có đủ cơ sở căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông BVO đối với ông TVA và bà NTTB. Buộc ông TVA và bà NTTB cùng có nghĩa vụ trả cho ông BVO và bà Trần Xuân Mai tổng cộng số tiền là 176.502.000 đồng (Trong đó số tiền gốc là 113.750.000 đồng và số tiền lãi là 62.752.000 đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông BVO đối với ông TVA và bà NTTB với số tiền lãi là 10.311.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông TVA và bà NTTB cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.825.000 đồng (Tám triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

Buộc ông BVO phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận với số tiền là 515.500 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.951.000 đồng theo biên lai thu số 0005204 ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Hoàn lại cho ông BVO số tiền là 4.435.500 đồng (Bốn triệu bốn trăm B mươi lăm nghìn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 143, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ỦyBan thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông BVO đối với ông TVA và bà NTTB (Nguyễn Thị Thu) về việc trả chấp hợp đồng mua bán tài sản.

2/. Buộc ông TVA và bà NTTB (Nguyễn Thị Thu) cùng có nghĩa vụ trả cho ông BVO và bà Trần Xuân Mai tổng số tiền là 176.502.000 đồng (Trong đó số tiền gốc là 113.750.000 đồng và số tiền lãi là 62.752.000 đồng).

3/. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông BVO với ông TVA và bà NTTB (Nguyễn Thị Thu) đối với số tiền lãi là 10.311.000 đồng.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

4/. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông TVA và bà NTTB (Nguyễn Thị Thu) cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.825.000 đồng (Tám triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

Buộc ông BVO phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận với số tiền là 515.500 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.951.000 đồng theo biên lai thu số 0005204 ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Hoàn lại cho ông BVO số tiền là 4.435.500 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐA Văn An